

TÒA ÁN NC DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ I VIỆT M
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày: 19-5-2020

NC DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ I VIỆT M

TÒA ÁN NC DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Đình Thành**.

Các Hội thẩm nc dân: Ông **Thạch Nhị**, ông **Đỗ Văn Kha**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Long - Thư ký Tòa án nc dân thành phố Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

*** Bị cáo:**

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn A**; Tên gọi khác: B; Sinh năm 1993; Giới tính: M; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã Mỹ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký tạm trú: Khu phố Phú Lộc, phường K Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (*học vấn*): 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt M; Con ông Nguyễn Văn C (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị D; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hoàng D – Sinh năm 1996 và 01 người con sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 02 năm 2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Bùi Minh F**; Tên gọi khác: G; Sinh năm 1990; Giới tính: M; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường K Đồng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Nơi đăng ký tạm trú: Khu phố 4, phường Tiên Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (*học vấn*): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt M; Con ông Bùi D H – Sinh năm: 1958 và L Thị I – Sinh năm: 1965; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09 tháng 02 năm 2020 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Ông Đỗ Quốc K - Sinh năm: 1994 (Có mặt).

Trú tại: Khu phố K Trà 2, phường K Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

** Người có quyền lợi, i vụ liên quan:*

1/ Ông Đỗ Quốc L - Sinh năm: 1990 (Có mặt).

Trú tại: Khu phố K Trà 2, phường K Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2/ Bà L Thị I - Sinh năm: 1965 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố 3, phường K Đồng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

** Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Hoàng M - Sinh năm: 1961 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố K Trà , phường K D, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2/ Bà Ngô Thị Thu N - Sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố Phước Thiện, phường K Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các g liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ 40 phút ngày 03/02/2020, bị cáo Nguyễn Văn A rủ bị cáo Bùi Minh F đi trộm cắp g sản thì F đồng ý. F điều khiển xe mô tô biển số: 93P1-686.16 chở A đi, khi đến khách sạn Hương Sen thuộc khu phố K Trà, phường K D, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. A xuống xe đi bộ vào khách sạn còn F đứng trước cổng cảnh giới cho A trộm cắp g sản. A phát hiện 01 xe mô tô EXCITER biển số 93P2-239.73 của ông Đỗ Quốc K (*xe K mượn của anh ruột K là ông Đỗ Quốc L*) dựng trước cửa phòng số 19 không có người trông coi, A đi tới phá khóa điện (*dứt dây điện*) và điều khiển xe cùng F chạy về xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước thuê nhà trọ ngủ. Đến ngày 04/02/2020, A mang xe đi nhờ Công (*chưa rõ lai lịch*) giới thiệu H (*chưa rõ lai lịch*) là người mua xe, A bán xe trộm cắp được cho H với giá 10.500.000 đồng, A chia cho F 4.500.000 đồng, chia cho Công 1.000.000 đồng, còn 5.000.000 đồng A tiêu xài cá nc hết. Đến ngày 09/02/2020 A và F đến Công an phường K D đầu thú (*Bút lục số: 50, 91-94; 97-100; 132,133*).

Tại Kết luận định giá g sản số 10/KLĐG ngày 11/02/2020 kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 93P2-239.73 đã qua sử dụng trị giá: 28.000.000 đồng (*Bút lục số: 60*).

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, g liệu:

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài thu giữ của bị cáo Bùi Minh F 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di

động hiệu Nokia; thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn A 01 điện thoại di động hiệu VSMART (Bút lục số: 39, 50).

Tại bản Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 20/4/2020 của Viện kiểm sát nc dân thành phố Đồng Xoài truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F về tội “*Trộm cắp g sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nc dân thành phố Đồng Xoài vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F phạm tội “*Trộm cắp g sản*”. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Minh F từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại Đỗ Quốc K đề nghị Hội đồng xét xử tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, người bị hại Đỗ Quốc K yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F phải bồi thường cho ông K số tiền 40.000.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F đồng ý mỗi bị cáo bồi thường cho ông K số tiền 20.000.000 đồng.

Căn cứ vào các g liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, lời trình bày của các bị cáo và người bị hại tại phiên tòa, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nc dân thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 20/4/2020 của Viện kiểm sát nc dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa thấy phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, i vụ liên quan, người làm chứng, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản nhận dạng hiện trường cùng các chứng

cứ, g liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa thấy phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương tiện phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do muốn có tiền tiêu xài, ngày 03/02/2020 các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter biển số 93P2-239.73 của ông Đỗ Quốc Tuấn tại khu phố K Trà, phường K D, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước trị giá: 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*). Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp g sản*”, Tội phạm và Hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo hoàn toàn làm chủ được hành vi của mình, nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có tiền một cách nhanh chóng để phục vụ cho tiêu xài của bản thân mà không cần phải bỏ mồ hôi công sức, các bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp g sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu g sản của người khác - khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải xét xử các bị cáo một mức án tù có thời hạn thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để tiếp tục răn đe, giáo dục các bị cáo trong môi trường có sự quản lý của Nhà nước, để sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, các bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng g sản của người khác và cũng là để làm tốt công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

Tuy nhiên, do đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân tích, đánh giá hành vi của từng bị cáo để làm cơ sở khi lượng hình.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Văn A:

Bị cáo là người chủ mưu, khởi sự và trực tiếp vào Khách sạn Hương Sen lấy trộm xe mô tô biển số 93P2-239.73 sau đó mang đi bán lấy tiền tiêu xài. Vì vậy cần phải xét xử bị cáo một mức tù có thời hạn thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần phải xem xét áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Bùi Minh F:

Bản thân bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi của mình, khi bị cáo Nguyễn Văn A rủ đi trộm cắp g sản, bị cáo không nhưng không can ngăn mà còn đồng tình ủng hộ một cách nhiệt tình. Bị cáo là

người tham gia với vai trò giúp sức, chính bị cáo là người đã chở bị cáo A đến Khách sạn Hương Sen để tìm g sản trộm cắp. Vì vậy cũng cần phải xét xử bị cáo một mức tù có thời hạn thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo.

Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần phải xem xét áp dụng khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Cáo trạng của Viện kiểm sát nc dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F về tội “Trộm cắp g sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ pháp luật. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nc dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng áp dụng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với các đối tượng tên Công, H là những người tiêu thụ xe mô tô biển số 93P2 – 239.73 do các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F trộm cắp được mà có nhưng đến nay vẫn chưa xác minh được nc tc lai lịch của Công và H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xử lý trong vụ án này.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là ông Đỗ Quốc K yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn A và Bùi Minh F phải bồi thường cho ông K số tiền 40.000.000 đồng giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt. Tại phiên tòa các bị cáo A và F đồng ý mỗi bị cáo bồi thường cho ông K số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các bị cáo và người bị hại và sự thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần tuyên buộc bị cáo A phải bồi thường cho ông K số tiền 20.000.000 đồng, tuyên buộc bị cáo F phải bồi thường cho ông K số tiền 20.000.000 đồng.

[9] Vật chứng vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu VSMART thu của bị cáo Nguyễn Văn A, đây là phương tiện được bị cáo A dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu của bị cáo Bùi Minh F, đây là phương tiện được bị cáo F dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn A** (*Tên gọi khác: B*) và bị cáo **Bùi Minh F** (*Tên gọi khác: G*) phạm tội “*Trộm cắp g sản*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Minh F 15 (*Mười lăm*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2020.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải bồi thường cho ông Đỗ Quốc K số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

- Tuyên buộc bị cáo Bùi Minh F phải bồi thường cho ông Đỗ Quốc K số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

4. Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO; 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu VSMART.

(Số vật chứng trên đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài theo biên bản giao nhận vật chứng, g sản số 0001797, Quyền số 0036 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài).

5. Về án phí:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Minh F phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, i vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, i vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nc dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP.Đồng Xoài;
- Công an TP.Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP.Đồng Xoài;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án – Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

CAO ĐÌNH THÀNH